



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA DƯỢC

KẾ HOẠCH MỞ LỚP HỌC LẠI
HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2017 - 2018

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		Số lượng lớp HP	SS tối thiểu	SS tối đa	SĨ SỐ 1 LHP	TỔNG SĨ SỐ	Ngày dự kiến		GHI CHÚ
					LT	TH						Bắt đầu	Kết thúc	
I. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY														
1. Khóa 2013 - Ngành Dược Học - Tên lớp 13DDS.HL														
1	0101070980	13DDS.HL01	Y học quân sự	2(2, 0, 0)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
2	0101070988	13DDS.HL02	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc	2(2, 0, 0)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3	0101070981	13DDS.HL03	Sản xuất thuốc 1	2(2, 0, 0)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
2. Khóa 2015 - Ngành Dược Học - Tên lớp 15DDS.HL														
1	0117000509	15DDS.HL01	Độc chất học	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
2	0117070973	15DDS.HL02	Dược động học	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3	0117070967	15DDS.HL03	Dược liệu 1	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
4	0117071029	15DDS.HL04	Dược liệu 1 - Thực hành	1(0, 1, 0)	0	35	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
5	0117000555	15DDS.HL05	Dược liệu 2 - Thực hành	1(0,1,0)	0	35	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
6	0117070977	15DDS.HL06	Dược lý 1	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
7	0117071630	15DDS.HL07	Dược lý 1- Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
8	0117070978	15DDS.HL08	Dược lý 2	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
9	0117070986	15DDS.HL09	Dược xã hội học	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
10	0117000139	15DDS.HL10	Giải phẫu - Dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
11	0117070969	15DDS.HL11	Hóa dược 1	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
12	0117070970	15DDS.HL12	Hóa dược 2	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
13	0117070985	15DDS.HL13	Hóa hữu cơ	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
14	0117070983	15DDS.HL14	Hóa vô cơ	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
15	0117071025	15DDS.HL15	Hóa vô cơ - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
16	0117070984	15DDS.HL16	Sinh học đại cương - Dược	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
17	0117071031	15DDS.HL17	Sinh học đại cương - Dược - Thực hành	1(0, 1, 0)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
18	0117071100	15DDS.HL18	Sinh lý - Dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
19	0117071101	15DDS.HL19	Sinh lý - Dược - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
20	0117070960	15DDS.HL20	Thực hành dược khoa 1	1(0, 1, 0)	0	35	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
21	0117071098	15DDS.HL21	Thực hành dược khoa 2	1(0, 1, 0)	0	35	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
22	0117070753	15DDS.HL22	Thực vật dược	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
23	0117070771	15DDS.HL23	Tiếng Anh chuyên ngành I	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
24	0117070963	15DDS.HL24	Vĩ sinh - Dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3. Khóa 2015 - Ngành Dược Học - Tên lớp 15DDS.CDLT.HL														
1	0119072211	15DDS.CDLT.HL01	Hoà sinh - Dược - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
2	0119072192	15DDS.CDLT.HL02	Thực vật dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3	0119072197	15DDS.CDLT.HL03	Vĩ sinh - Kỹ sinh trùng - Dược	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		Số lượng lớp HP	SS tối thiểu	SS tối đa	Sĩ số 1 LHP	TỔNG SĨ SỐ	Ngày dự kiến		GHI CHÚ
					LT	TH						Bắt đầu	Kết thúc	
4	0119072190	15DDS.CDLT.HL04	Sinh học đại cương - Dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
4. Khóa 2015 - Ngành Dược Học - Tên lớp 15DDS.TCLT.HL														
1	0120072152	15DDS.TCLT.HL01	Hoá sinh - Dược - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
2	0120072164	15DDS.TCLT.HL02	Dược lý	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3	0120072128	15DDS.TCLT.HL03	Sinh học đại cương - Dược	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
4	0120072148	15DDS.TCLT.HL04	Độc chất học - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
II. CAO ĐẲNG CHÍNH QUY														
1. Khóa 2015 - Ngành Dược - Tên lớp 15CDS.HL														
1	0201000797	15CDS.HL01	Kiểm nghiệm thuốc - Thực hành	2(0, 2, 2)	0	60	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
2	0201073038	15CDS.HL02	Sinh học và di truyền - Dược	2(2, 0, 0)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
3	0201071752	15CDS.HL03	Thực hành dược khoa 2 (Dược liệu - Bảo chế)	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
4	0201000828	15CDS.HL04	Kinh tế dược	2(1, 1, 3)	15	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
5	0201000663	15CDS.HL05	Hóa hữu cơ	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
6	0201000556	15CDS.HL06	Dược liệu - Thực hành	1(0, 1, 1)	0	30	4	100	25	25	100	13/8/2018	30/9/2018	
7	0201000032	15CDS.HL07	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
8	0201000670	15CDS.HL08	Hóa vô cơ	3(3, 0, 0)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
9	0201001293	15CDS.HL09	Pháp luật - Tổ chức quản lý dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
10	0201000646	15CDS.HL10	Hóa dược	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
11	0201000559	15CDS.HL11	Dược lý 2	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
12	0201000550	15CDS.HL12	Dược lâm sàng	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
13	0201000557	15CDS.HL13	Dược lý 1	3(3, 0, 6)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
14	0201001291	15CDS.HL14	Pháp chế dược	2(2, 0, 4)	30	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	
III. TRUNG CẤP CHÍNH QUY														
1. Khóa 2015 - Ngành Dược - Tên lớp 15TDSP.HL01														
1	0501001345	15TDSP.HL01	Quản lý dược	3(3, 0, 0)	45	0	1	30	100	100	100	13/8/2018	30/9/2018	

BAN GIÁM HIỆU



TS. Trần Ai Cẩm

P. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Kim Ngân

TPHCM, ngày 14 tháng 6 năm 2018

KHOA DƯỢC



TS. Nguyễn Văn Thanh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT
KHOA ĐƯỢC

KẾ HOẠCH MỞ LỚP HỌC LẠI
HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2017 - 2018

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		Số lượng lớp HP	SS tối thiểu	SS tối đa	Sĩ số 1 LHP	TỔNG SĨ SỐ	Ngày dự kiến		GHI CHÚ
					LT	TH						Bắt đầu	Kết thúc	
I. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY														
I. Khóa 2013 - Ngành Dược Học - Tên lớp 13DDS.HL														
1	117000560	13DDS.HL04	Dược lý 2 - Thực hành	1(0,1,0)	0	40	4	20	25	25	100	13/08/2018	30/09/2018	

TPHCM ngày 23 tháng 7 năm 2018

TPHCM, ngày 3 tháng 7 năm 2018

KHOA ĐƯỢC

BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

GS.TS. Nguyễn Văn Thanh

TS. Trần Ái Cẩm

TS. Nguyễn Kim Ngân